

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ GIÁO
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Bản án số: 24/2022/DS-ST

Ngày 09/9/2022

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Phương Dung;

Ông Kim Niệm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Phúc Vĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 170/2021/TLST-DS ngày 13 tháng 12 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2022/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thụy Cẩm L, sinh năm 1978; địa chỉ: khu phố a, thị trấn Ph, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương;

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1984; địa chỉ: ấp V A, xã V H, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Văn bản ủy quyền ngày 05/11/2021. Có đơn xin vắng mặt

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1962; địa chỉ: Khu phố b, thị trấn Ph, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T trình bày:

Do quen biết với nhau nên bà Nguyễn Thụy Cẩm L có cho bà Nguyễn Thị P vay tiền nhiều lần, mỗi lần vay tiền đều có làm giấy vay tiền bà P có ký tên và lấn tay vào. Đến ngày 11/3/2020 thì giữa bà P và bà L chót nợ, bà P làm giấy nhận nợ cho bà L, theo đó bà P còn nợ của bà L tổng số tiền là 1.022.500.000đ (Một tỷ không trăm hai

mười hai triệu năm trăm nghìn đồng), giữa bà L và bà P không có thỏa thuận lãi suất, sau khi chốt lại số nợ thì những giấy tờ cũ đã vay mượn trước đó của bà P thì bà L không còn giữ, chỉ còn giữ lại giấy chốt nợ ngày 11/3/2020. Sau khi chốt nợ thì bà P hẹn trong thời hạn là 02 tháng thì bà P sẽ thanh toán hết số tiền 1.022.500.000đ (Một tỷ không trăm hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng) cho bà L. Nhưng đến nay quá hạn đã lâu bà P vẫn không thanh toán tiền cho bà L như thỏa thuận, khi vay tiền thì bà P có giao bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB xxxxxx, số thửa aaa, tờ bản đồ số zz, đất tọa lạc tại khu phố b, thị trấn Ph, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương cấp ngày 12/5/2017, đăng ký biến động sang tên bà Nguyễn Thị P ngày 01/11/2017 cho bà L giữ làm tin để đảm bảo cho khoản tiền vay trên, hiện nay bà L vẫn còn đang giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên.

Nay bà L khởi kiện yêu cầu bà P phải thanh toán cho bà L số tiền gốc là 1.022.500.000đ (Một tỷ không trăm hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng) và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật tính từ ngày 12/5/2020 đến nay. Đối với yêu cầu xin trả góp và xin không trả tiền lãi của bà P thì bà L không đồng ý vì số tiền bà P đã vay của bà L quá lâu không trả.

Theo biên bản lấy lời khai bị đơn bà Nguyễn Thị P trình bày:

Vào năm 2018, bà P có vay tiền của bà Nguyễn Thụy Cẩm L nhiều lần, tổng số tiền là 650.000.000đ (Sáu trăm năm mươi triệu đồng), lãi suất là 2.5%/tháng, bà P có đóng tiền lãi nhưng do thời hạn đã lâu nên bà P không nhớ chính xác là đã đóng được bao nhiêu tháng và đóng được bao nhiêu tiền vì mỗi lần đóng tiền thì bà P chỉ đưa tiền cho bà P thôi, không có làm giấy biên nhận cũng không ai làm chứng. Đến ngày 11/3/2020 bà và bà P có làm giấy chốt nợ, chốt lại số tiền mà bà P còn nợ của bà L là 1.022.500.000đ (Một tỷ không trăm hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng), đối với số tiền này thì bà P thống nhất và đồng ý trả. Trước yêu cầu khởi kiện của bà L về số tiền gốc thì bà P thống nhất và đồng ý trả, tuy nhiên đối với số tiền lãi từ sau ngày 11/3/2020 trở đi thì bà P xin không đóng nữa vì bà đã đóng tiền lãi cho bà L nhiều rồi.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo có ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử (HĐXX) nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện bà P có vay tiền của bà L nhiều lần, đến ngày 11/3/2020, giữa bà L và bà P có làm lại giấy chốt nợ, đối với số tiền gốc 1.022.500.000đ (Một tỷ không trăm hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng) bà P thống nhất nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với tiền lãi: Nguyên đơn cho rằng không có thỏa thuận lãi suất, bị đơn cho rằng lãi suất là 2.5%/tháng, do nguyên đơn và bị đơn có sự mâu thuẫn về lãi suất nên đề nghị HĐXX tính lại lãi suất theo quy định của pháp luật. Bị đơn xin tiền lãi từ sau ngày 11/3/2020 trở đi, nguyên đơn không đồng ý nên không có cơ sở để xem xét ý kiến của bị đơn. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả gốc và lãi vay nên quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hiện bị đơn bà Nguyễn Thị P đang cư trú tại khu phố b, thị trấn Ph, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương và nguyên đơn có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Bà L cho bà P vay tiền từ năm 2018, đến ngày 11/3/2020, bà L với bà P có làm giấy chốt nợ. Ngày 22/11/2021 bà L nộp đơn khởi kiện nên thời hiệu khởi kiện vẫn còn theo quy định tại Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thụy Cẩm L là bà Nguyễn Thị Kim T và bị đơn bà Nguyễn Thị P có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ theo Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[4] Về nội dung vụ án:

Đối với số tiền gốc: Vào khoảng năm 2018 bà L có cho bà P vay tiền nhiều lần đến ngày 11/3/2020, bà L và bà P chốt lại số tiền nợ, bà P có ký tên vào, theo đó đến ngày 11/3/2020 thì bà P còn nợ của bà L số tiền 1.022.500.000đ (Một tỷ không trăm hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng), đối với số tiền gốc được bị đơn thừa nhận nên đây là tính tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với số tiền lãi: Bị đơn bà Nguyễn Thị P cho rằng có thỏa thuận lãi suất là 2.5%/tháng nhưng nguyên đơn không thừa nhận, bị đơn không có chứng cứ chứng minh, do giữa nguyên đơn và bị đơn có sự mâu thuẫn với nhau về lãi suất nên HĐXX quyết định tính lãi suất theo quy định của pháp luật. Bị đơn cho rằng có đóng lãi suất cho nguyên đơn nhưng không nhớ chính xác là đóng được bao nhiêu tháng, đóng được bao nhiêu tiền vì mỗi lần đóng tiền lãi đưa tiền cho bà L, không có làm biên nhận gì cũng không ai làm chứng, bị đơn xin không trả tiền lãi từ sau ngày 11/3/2020, nhưng nguyên đơn không đồng ý nên HĐXX không có cơ sở để xem xét ý kiến của bị đơn.

Nguyên đơn yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 12/5/2020 theo mức lãi suất quy định của pháp luật, tiền lãi từ ngày 12/5/2020 đến ngày 09/9/2022 là 213.958.000đ (Hai trăm mười ba triệu chín trăm năm mươi tám nghìn đồng). Vậy tổng số tiền mà bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn là 1.236.458.000đ (Một tỷ hai trăm ba mươi sáu triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn đồng).

[5] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí, bị đơn phải chịu án phí cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận. Tuy nhiên, do bị đơn là người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, Điều 6, khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, Điều 92 và các Điều 147, 184, 227, 228, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thụy Cẩm L đối với bị đơn bà Nguyễn Thị P về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Nguyễn Thị P phải thanh toán cho bà Nguyễn Thụy Cẩm L số tiền là 1.236.458.000đ (Một tỷ hai trăm ba mươi sáu triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thụy Cẩm L có trách nhiệm trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB xxxxxx, số thửa aaa, tờ bản đồ số zz, đất tọa lạc tại khu phố b, thị trấn Ph, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương cấp ngày 12/5/2017, đăng ký biến động sang tên bà Nguyễn Thị P ngày 01/11/2017 cho bà Nguyễn Thị P sau khi bà P thanh toán hết số tiền nợ cho bà L.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền phải thi hành thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Nguyễn Thị P được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thụy Cẩm L được hoàn trả 28.466.000đ (Hai mươi tám triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án AA/2021/0007846 ngày 09/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Khoa